

Bản án số: 21/2020/HNGĐ-ST

Ngày 21-5-2020

V/v ly hôn giữa chị Q, anh T

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LN

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Q1Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Từ Minh Hải

Ông Nguyễn Xuân Chung

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lự- Thư ký Tòa án nhân dân huyện LN.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện LN, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Thân Mạnh Thắng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện LN tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thẩm thụ lý số: 19/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2020 về tranh chấp hôn nhân gia đình sơ theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29a/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2020/QĐST-DS ngày 12 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Chị Vũ Thị Q, sinh năm 1982 (vắng mặt)

-Bị đơn: Anh Lê Văn T, sinh năm 1971 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn HP 13, xã TD, huyện LN, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn cùng các lời khai nguyên đơn chị Vũ Thị Q trình bày như sau: Chị kết hôn với anh Lê Văn T năm 2002. Trước khi cưới hai bên có tự do tìm hiểu thỏa thuận và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TD, huyện LN, tỉnh Bắc Giang. Cưới xong vợ chồng về chung sống tại gia đình anh T ngày, thời gian đầu tình cảm vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Vợ chồng chung sống đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp nhau, nên vợ chồng thường xuyên bất đồng trong quan điểm sống và trong làm ăn phát triển kinh tế gia đình nên vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Do vợ chồng mâu thuẫn nên vợ chồng sống ly thân từ tháng 9 năm 2019 đến nay, vợ chồng cũng cắt đứt mọi quan hệ tình cảm, kinh tế từ đó. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được chị tha thiết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Văn T.

- Về con chung: Vợ chồng anh chị có ba con chung là Lê Thị TR, sinh ngày 04/6/2003 và Lê Thị Quỳnh, sinh ngày 25/11/2004 và Lê Quý Đôn, sinh ngày 18/7/2010 hiện cháu khỏe mạnh phát triển bình thường và đang ở cùng

chị, nếu vợ chồng ly hôn chị đề nghị được nuôi con là Lê Quý Đôn, sinh ngày 18/7/2010 còn anh T nuôi hai con chung là Lê Thị TR, sinh ngày 04/6/2003 và Lê Thị Quỳnh, sinh ngày 25/11/2004 vấn đề góp cấp dưỡng nuôi con chị không đề nghị Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn chị và anh T được quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Vũ Thị Q trình bày chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay chị Vũ Thị Q có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 17/02/2020 bị đơn anh Lê Văn T trình bày: Anh kết hôn với chị Vũ Thị Q năm 2002. Trước khi cưới hai bên có tự do tìm hiểu thỏa thuận và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TD, huyện LN, tỉnh Bắc Giang. Cưới xong vợ chồng về chung sống tại gia đình anh T ngày, thời gian đầu tình cảm vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Vợ chồng chung sống đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do chị Q đi nước ngoài làm ăn một năm đầu có gửi tiền về cho anh sau đó chị Q không gửi tiền về cho anh nữa. Tháng 9/2019 chị Q về nước và về nhà bố mẹ đẻ chị Q ở mà không về chung sống cùng anh nữa, vợ chồng cắt đứt mọi quan hệ tình cảm, kinh tế từ đó đến nay chị Q làm đơn xin ly hôn với anh, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể về đoàn tụ nên anh đồng ý ly hôn

- *Về con chung:* Vợ chồng anh chị có ba con chung như chị Q đã trình bày là đúng, nay vợ chồng ly hôn anh xin nuôi cả ba con chung là Lê Thị TR, sinh ngày 04/6/2003 và Lê Thị Quỳnh, sinh ngày 25/11/2004 và Lê Quý Đôn, sinh ngày 18/7/2010, vấn đề góp cấp dưỡng nuôi con anh không đề nghị Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn chị Q được quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản, nghĩa vụ chung về tài sản: Anh Lê Văn T trình bày anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay anh Lê Văn T vắng mặt lần hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện LN tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký Tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về phía các đương sự nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn vắng mặt lần hai tại phiên tòa không có lý do. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình, các Điều 147, 227, 228, 238, 271, 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị Q được ly hôn anh Lê Văn T.

- Về con chung: Giao cho chị Vũ Thị Q trực tiếp nuôi con chung là Lê Quý Đôn, sinh ngày 18/7/2010, giao cho anh Lê Văn T hành trực tiếp nuôi hai con chung là Lê Thị TR, sinh ngày 04/6/2003 và Lê Thị Quỳnh, sinh ngày 25/11/2004, vấn đề góp cấp dưỡng nuôi con do các đương sự không đề nghị nên không đặt ra xem xét giải quyết. Sau khi ly hôn chị Q và anh T có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, không ai được cản trở chị Q, anh T

thực hiện quyền này.

- Về tài sản, nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề xuất giải quyết án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Tại phiên Tòa hôm nay nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần hai không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Vũ Thị Q kết hôn với anh Lê Văn T năm 2002 trên cơ sở tự nguyện hợp pháp, anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TD, huyện LN, tỉnh Bắc Giang. Cưới xong vợ chồng về chung sống tại gia đình anh T ngày, thời gian đầu tình cảm vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Vợ chồng chung sống đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp nhau trong làm ăn phát triển kinh tế gia đình, nên vợ chồng thường xuyên bất đồng trong quan điểm sống không tìm được tiếng nói chung. Do vợ chồng mâu thuẫn nên chị Q về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 9/2019 vợ chồng sống ly thân cắt đứt mọi quan hệ tình cảm, kinh tế từ đó. Phía chị Q xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị tha thiết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Văn T. Phía anh T cũng đồng ý ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa chị Q và anh T đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Vũ Thị Q được ly hôn với anh Lê Văn T.

[3] *Về con chung*: Chị Vũ Thị Q và anh Lê Văn T có ba con chung là Lê Thị TR, sinh ngày 04/6/2003 và Lê Thị Quỳnh, sinh ngày 25/11/2004 và Lê Quý Đôn, sinh ngày 18/7/2010. Hiện các cháu khỏe mạnh phát triển bình thường và đang ở cùng với anh chị. Quá trình giải quyết vụ án chị Q có nguyện vọng xin nuôi một con là Lê Quý Đôn, sinh ngày 18/7/2010, còn hai con chung là Lê Thị TR, sinh ngày 04/6/2003 và Lê Thị Quỳnh, sinh ngày 25/11/2004 giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng.

Phía anh T có nguyện vọng xin được nuôi cả ba con chung. Xét yêu cầu xin nuôi một con chung của chị Q là yêu cầu chính đáng, chị có đủ điều kiện để nuôi con. Để đảm bảo cho các con khỏe mạnh phát triển bình thường, được chăm sóc giáo dục tốt cần giao cho chị Vũ Thị Q trực tiếp nuôi một con chung là Lê Quý Đôn, sinh ngày 18/7/2010, giao cho anh Lê Văn T trực tiếp nuôi hai con chung là Lê Thị TR, sinh ngày 04/6/2003 và Lê Thị Quỳnh, sinh ngày 25/11/2004 là phù hợp với Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Vấn đề góp cấp dưỡng nuôi con chung do các đương sự không đề nghị nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết. Sau khi ly hôn anh chị Q, anh T có quyền thăm nom con, chăm sóc, giáo dục con theo quy định tại Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về tài sản, nghĩa vụ về tài sản chung*: Chị Vũ Thị Q và anh Lê Văn T đều không đề nghị Tòa án giải quyết, nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] *Về án phí*: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, Điều 26, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Vũ Thị Q phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ chị đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2017/0004533 ngày 13/01/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện LN, tỉnh Bắc Giang.

[6] *Về quyền kháng cáo*: Căn cứ Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 11, điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. *Quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị Vũ Thị Q được ly hôn anh Lê Văn T.

2. *Về con chung*: Giao cho chị Vũ Thị Q trực tiếp nuôi con chung là Lê Quý Đôn, sinh ngày 18/7/2010, giao cho anh Lê Văn T trực tiếp nuôi hai con chung là Lê Thị TR, sinh ngày 04/6/2003 và Lê Thị Quỳnh, sinh ngày 25/11/2004. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét giải quyết. Sau khi ly hôn chị Vũ Thị Q và anh Lê Văn T có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, không ai được cản trở chị Q, anh T thực hiện quyền này.

3. *Về án phí*: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, Điều 26, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Vũ Thị Q phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ chị đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2017/0004533 ngày 13/01/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện LN, tỉnh Bắc Giang.

4. *Về quyền kháng cáo*: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện LN;
- Chi cục THADS huyện LN;
- UBND xã TD;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Q1Hoa

